TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày: 11-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Khắp

2. Ông Lê Hồng Xuân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2018/HSST ngày 18 tháng 05 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn V, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã T, huyện TH, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1966 và bà Hồ Thị Hồng L, sinh năm 1967; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em ruột; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/02/2018, đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, huyên TH, tỉnh Long An (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị Hồng L, sinh ngày 1967 Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện TH, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp TL, xã TR, huyện C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; Ấp 4, xã T, huyện TH, tỉnh Long An (có mặt).

Những người làm chứng:

1. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện TH, tỉnh Long An (vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ).

2. Ông Trần Trung H, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An (vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ).

3. Ông Phan Thanh N, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An (vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn V và bà Lê Thị Đ nhà gần nhau, cùng cư trú tại: Ấp 4, xã T, huyện TH, tỉnh Long An. V biết rõ nhà bà Đ có điều kiện kinh tế và thường xuyên vắng nhà nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà Đ, với mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ ngày 10/02/2018 V điều khiển xe mô tô biển số: 62F1- 108.67 đến tiệm sửa xe TP trên đường Lê Duẩn thuộc Khu phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An, do ông Nguyễn Văn T làm chủ. Do ông T là chú họ của V, nên V tự ý vào bên trong tiệm sửa xe lấy 01 cây kiềm cộng lực dùng để cắt sắt dài 46cm để lên xe chạy đến bụi cỏ rậm gần quán Cà phê 911 trên đường Quốc Lộ N cất giấu với mục đích sử dụng kiềm cộng lực để phá khóa cửa nhà bà Đ. Sau khi cất giấu xong, V đến nhà ông Phan Thành N, sinh năm 1969 cư trú tại Khu phố 3, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An uống rượu. Khoảng 17giờ, V cùng ông N tiếp tục đi đến xã LT, huyện TT, tỉnh Long An nhậu tiếp đến 19giờ cùng ngày V ra về, khi về V về một mình và đến chỗ cất giấu kìm cộng lực lấy kiềm để lên ba ga xe, dùng áo khoác che lại rồi qua đò về Ấp 4, xã T. Khi về đến cách nhà bà Đ khoảng 400 mét V đậu xe lại rồi đi bộ đến trước nhà bà Đ, sau khi quan sát nhìn thấy cửa chính nhà bà Đ đang khóa, biết bà Đ đang vắng nhà nên V mở hàng rào B40 của nhà bà Đ tạo thạnh lỗ trống để vào nhà. Khi vào đến nhà, V dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa cửa chính Nhà bà Đ 02 lần nhưng không đứt, V đi qua hướng bên phải thấy có cửa sổ, V dùng kìm cắt các thanh sắt cửa sổ rồi dùng tay kéo ra tạo khoảng trống để chui vào. Khi vào bên trong V bắt đầu tìm kiếm tài sản thì phát hiện trong ngăn kéo của chiếc bàn học tập có 01 bóp tiền bằng nilon bên trong có 580.000đ (năm trăm tám mươi nghìn đồng) V lấy bỏ vào túi quần rồi tiếp tục lục soát tìm tài sản thì phát hiện 01 chiếc hộp kim loại màu đỏ để trên kệ sách, bên trong có nữ trang bằng vàng gồm: 01 vòng tay vàng 18K trọng lượng 07 chỉ, 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 vòng cổ vàng 18K kèm theo mặt trọng lượng 04 chỉ và 01 nhẫn vàng 24K trọng lượng 03 chỉ. V lấy toàn bộ số vàng bỏ vào túi quần rồi leo ra ngoài theo vị trí ban đầu đã

vào. Sau khi lấy tài sản xong, V điều khiển xe mô tô trở về thị trấn TH và cất giấu kìm vào bụi rậm tại vòng xoay lộ trung tâm thuộc Khu phố 3, thị trấn Thạnh Hóa rồi đến nhà nghỉ TT1 thuộc Ấp 2, xã T, huyện TH, tỉnh Long An ngủ qua đêm. Đến sáng ngày 11/02/2018, V liên lạc với bạn gái tên Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1982 cư trú tại: ấp TL, xã TR, huyện C, thành phố Cần Thơ, bà D đang làm thuê tại thị trấn TH và nhờ D đến tiệm vàng KT tại chợ TN bán 01 vòng đeo tay trọng lượng 07 chỉ vàng 18K được 14.350.000đ (mười bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), sau khi có được tiền V cùng D đi thành phố TA mua sắm. V mua 01 đôi giày, 01 bộ quần áo hết 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng), tặng cho D 6.000.000đ (sáu triệu đồng) sau đó V đến nhà bạn ở tỉnh An Giang chơi, trên đường đi V ghé thị trấn TTH, huyện TTH, tỉnh Long An bán thêm 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 03 chỉ được 9.000.000đ (chín triệu đồng), V mua lại 01 sợi dây chuyền vàng 18K với giá 8.000.000đ (tám triệu đồng) mang theo người rồi tiếp tục chạy xe đến nhà bạn tên Dương Văn S, sinh năm 1980 cư trú tại: Tổ 10, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh An Giang. Sáng ngày 12/02/2018, V tiếp tục bán 01 nhẫn tròn tại tiệm vàng KN, thuộc thị xã TC, tỉnh An Giang được 6.000.000đ (sáu triệu đồng) rồi đi đánh bạc tại Casino thuộc khu vực biên giới. Đến ngày 13/02/2018, V bán đôi bông tai và vòng cổ tổng cộng được 8.000.000đ (tám triệu đồng) tại tiệm vàng không rõ tên ở thị xã TC, tỉnh An Giang và tiêu xài hết. Ngày 23/02/2018, V đến thành phố Cần Thơ rước bạn gái là Nguyễn Thị Phương D về huyện TH, tỉnh Long An thì bị cơ quan điều tra mời làm việc. Tại Cơ quan điều tra V đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm vàng của nhà bà Lê Thị Đ.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản số 126/KL.HĐĐGTS ngày 22/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện TH xác định tổng giá trị số vàng gồm: 01 vòng tay vàng 18K trọng lượng 07 chỉ, 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 vòng cổ vàng 18K kèm theo mặt trọng lượng 04 chỉ, 01 nhẫn vàng 24K trọng lượng 03 chỉ là 44.107.000đ (bốn mươi bốn triệu một trăm linh bảy nghìn đồng).

Quá trình điều tra và khám nghiệm hiện trường thu giữ Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 ổ khóa hiệu Maxpro TDP security; 01 đoạn thanh sắt hình chữ nhật có kích thước 1,5 x 05cm; 01 đoạn thanh sắt hình chữ nhật có kích thước 1,5 x 04cm; 01 kiềm cộng lực bằng sắt màu xanh, tay cầm màu đen, trên lưỡi có ký hiệu USA, 450, dài 46cm đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-xám-đen, biển số: 62F1-108.67; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dạng móc xích, dài 55cm, không mặt, trọng lượng không xác định; 01 điện thoại di động Sony Xperia C6802 màu trắng đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Tiel màu đen đã qua sử dụng; 01 áo thun ngắn tay màu xám; 01 quần Jean dài màu xanh đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu đỏ-đen-trắng đã qua sử dụng; 01 quần Jean dài màu xanh đậm, còn mới; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh hiệu Give và thu giữ 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Hóa đã tiến hành xử lý vật chứng như sau: Trả 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-xám-đen, biển số: 62F1-108.67cho chủ sở hữu là bà Hồ Thị Hồng L; Trả lại 01 điện thoại di động Sony Xperia C6802, 01 điện thoại di động hiệu Tiel màu đen, 01 áo thun ngắn tay màu xám, 01 quần Jean dài màu xanh, 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu đỏ-đen-trắng, 01 quần Jean dài màu xanh đậm, còn mới, 01 áo sơ mi dài tay màu xanh cho Nguyễn Văn V. Trả lại 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 6.000.000đ (sáu triệu đồng) cho mẹ bị cáo Vũ là bà Hồ Thị Hồng L do bà L đã khắc phục hậu quả cho Nguyễn Văn V.

Nhập kho vật chứng 01 ổ khóa hiệu Maxpro TDP security; 01 đoạn thanh sắt hình chữ nhật có kích thước 1,5 x 05cm; 01 đoạn thanh sắt hình chữ nhật có kích thước 1,5 x 04cm và 01 kiềm cộng lực bằng sắt màu xanh, tay cầm màu đen, trên lưỡi có ký hiệu USA 450, dài 46cm đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Hồ Thị Hồng L là mẹ ruột của Nguyễn Văn V đã thỏa thuận bồi thường cho bà Lê Thị Đ xong bà Đ không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT- VKS ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa để xét xử bị cáo Nguyễn Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thấy rằng việc truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn V là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố.

Trước tòa, Kiểm sát viên căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các Điều 51, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xem xét cho bị cáo các tình tiết sau: Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về hình phạt:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự có quy định hình phạt bổ sung nhưng do bị cáo không có thu nhập ổn định và hiện đang bị tạm giam, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét.

Về tang vật chứng trong vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa hiệu Maxpro TDP security; 01 đoạn thanh sắt hình chữ nhật có kích thước 1,5 x 05cm; 01 đoạn thanh sắt hình chữ nhật có kích thước 1,5 x 04cm; 01 kiềm cộng lực bằng sắt màu xanh, tay cầm màu đen, trên lưỡi có ký hiệu USA, 450, dài 46cm, đã qua sử dụng.

Đối với Nguyễn Thị Phương D do không biết vàng mà bị cáo V nhờ đi bán là do V trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D là đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến luận tội của Viện kiểm sát và không có tranh luật gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo đi làm để trả nợ cho mẹ ruột của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa trong quá trình tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện là đúng theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng nên là hợp pháp.

[2] Xem xét, thẩm định, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Trước toà, bị cáo Nguyễn Văn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Cụ thể là vào ngày 10/02/2018 bị cáo V lén cắt các song sắt cửa sổ của nhà bà Đ để vào bên trong tìm kiếm tài sản và lấy trộm 14 chỉ vàng 18K, 03 chỉ vàng 24K và tiền Việt Nam là 580.000đ (năm trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 44.687.000đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn V trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại là bà Lê Thị Đ; phù hợp lời trình bày của ngươi có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp tài sản mà bà Đ bị mất; phù hợp với vật

chứng thu giữ trong vụ án; với sơ đồ khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp nội dung Cáo trạng.

Trên cơ sở đó, thấy rằng Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn V tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm, đề nghị của Kiểm sát viên, căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của bà Lê Thị Đ gây tác động xấu, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra nhằm mang tính giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có cân nhắc xem xét đến các tình tiết, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng cũng như các tình tiết tăng nặng mà bị cáo phải chịu để có quyết định hợp tình đúng quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình bổ sung và các đề nghị khác đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt chính mà Viện kiểm sát đề nghị là có phần nặng cho bị cáo vì bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt chính. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào Điều 50 của Bộ luật Hình sự để quyết định và có mức hình phạt phù hợp và thích đáng đối với bị cáo. Thấy rằng, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn V là nghiêm trọng, nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để răn đe giáo dục, cải tạo bị cáo để bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội sau này.

Về hình phạt bổ sung: Tại Khoản 5 của các Điều 173 Bộ luật Hình sự có quy định hình phạt bổ sung nhưng do bị cáo không có thu nhập ổn định và hiện nay bị cáo đang bị tạm giam, bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[**4**] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Lê Thị Đ đã được bồi thường tài sản bị mất và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị Hồng L (mẹ bị cáo V) sau khi V tác động và nhờ bà L bỏ tiền ra để bồi thường cho bà Đ thay cho bị cáo. Bà L không yêu cầu bị cáo V phải trả lại nên không xem xét.

[**5**] Về tang vật chứng trong vụ án: Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-xám-đen, biển số: 62F1-108.67; 01 điện thoại di động Sony

Xperia C6802; 01 điện thoại di động hiệu Tiel màu đen; 01 áo thun ngắn tay màu xám; 01 quần Jean dài màu xanh; 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô màu đỏ-đen-trắng; 01 quần Jean dài màu xanh đậm còn mới; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 6.000.000đ (sáu triệu đồng) Cơ quan Điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng đúng quy định của Điều 89, 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 ổ khóa hiệu Maxpro TDP security; 01 đoạn thanh sắt hình chữ nhật có kích thước 1,5 x 05cm; 01 đoạn thanh sắt hình chữ nhật có kích thước 1,5 x 04cm; 01 kiềm cộng lực bằng sắt màu xanh, tay cầm màu đen, trên lưỡi có ký hiệu USA, 450, dài 46cm đã qua sử dụng của ông Nguyễn Văn T trước đây trong quá trình điều tra ông T có yêu cầu xin nhận lại, nhưng tại phiên tòa ông T cho rằng không còn giá trị sử dụng và không nhận lại. Thấy rằng các tang vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử quyết định nên tịch thu tiêu hủy (Các tang vật chứng hiện đang do Chi cục thi hành án quản lý).

[**6**] Các vấn đề có liên quan khác: Đối với Nguyễn Thị Phương D do không biết vàng mà bị cáo V nhờ đi bán là do V trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D là đúng quy định của pháp luật.

[**7**] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Hình phạt:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 01 (một) năm (03) ba tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2018.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn V 45 ngày thời hạn tính từ ngày 11/7/2018 để đảm bảo thi hành án.

Về tang vật chứng:

- Căn cứ dụng Điều 89, 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 kiềm cộng lực bằng sắt màu xanh, tay cầm màu đen, trên lưỡi có ký hiệu USA, 450, dài 46cm, cũ đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa hiệu Maxpro TDP security, 01 đoạn thanh sắt hình chữ nhật có kích thước 1,5 x 05cm, 01 đoạn thanh sắt hình chữ nhật có kích thước 1,5 x 04cm

Về án phí:

- Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 20 Luật phí, và lệ phí; điểm a, Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Quyền kháng cáo:

- Căn cứ vào các Điều 331, 333, Bộ luật Tố tụng hình sự. Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo Nguyễn Văn Vũ có mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Phương D và ông Nguyễn Văn T có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại Lê Thị Đ vắng mặt được quyền kháng cáo toàn bộ bản án, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Công tác thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Công An huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Phan Đình Ngân